

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 06-5-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cầu

Ông Phạm Thạch Út

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay

Địa chỉ: Số B, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ liên hệ: Số D, Tôn Đức T, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 26-02-1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà A, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Theo giấy ủy quyền ngày 07-01-2025

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 18-8-1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25-11-2024, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đã trình bày:

Ngày 03-02-2024, ông Nguyễn Thanh T1 có ký hợp đồng cầm cố cho Công ty Cổ phần S – chi nhánh A – chi nhánh thành phố C 1 theo hợp đồng cầm cố số CDM2402010.04NA23X, thời hạn 18 tháng, số tiền cầm cố 31.314.000 đồng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí phạt vi phạm không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng, tài sản cầm cố là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại SH MODE ABS, biển số 67AB – 126.30, số khung RLHJK1917PZ314363, số máy JK19E2023807, giấy chứng nhận đăng ký số 000353 do Công an huyện C cấp ngày 02-02-2024

Ngày 03-02-2024, ông Nguyễn Thanh T1 có lập giấy mượn xe để phục vụ việc đi lại, thời gian mượn xe là 01 tháng kể từ ngày 03-02-2024 đến ngày 03-3-2024; Công ty Cổ phần S – chi nhánh A – chi nhánh thành phố C 1 đã đồng ý cho ông T1 mượn xe.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng cam kết, tạm tính đến ngày 21-11-2024 ông T1 còn Công ty Cổ phần S Có Ngay: Tiền gốc là 31.314.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.352.686 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.676.343 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 15.239.480 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.523.948 đồng, phạt vi phạm là 2.505.120 đồng.

Nay Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T1 trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền còn nợ như sau: Tiền gốc là 31.314.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.352.686 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.676.343 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 15.239.480 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.523.948 đồng, phạt vi phạm là 2.505.120 đồng, tổng cộng là 55.611.576 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ngày 03-02-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05-4-2025, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 06-4-2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà V trình bày: Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Tính đến ngày 06-5-2025 ông T1 còn Công ty Cổ phần S Có Ngay: Tiền gốc là 31.314.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.419.283 đồng, tiền lãi quá hạn là 7.887.997 đồng.

Nay Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T1 trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền còn nợ như sau: Tiền gốc là 31.314.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.419.283 đồng, tiền lãi quá hạn là 7.887.997 đồng, tổng cộng là 42.621.280 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ngày 03-02-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Xin rút lại yêu cầu tính phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 15.239.480 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.523.948 đồng, phạt vi phạm là 2.505.120 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, nhưng ông T1 vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn tiền cầm cố xe còn nợ gồm: Tiền gốc là 31.314.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính đến ngày 06-5-2025; tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong nợ. Đình chỉ xét xử đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn trả phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 15.239.480 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.523.948 đồng, phạt vi phạm là 2.505.120 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà V; bị đơn ông T1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà V có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ vào đơn khởi kiện. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 429, Điều 309, Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:* Căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Từ đó có cơ sở kết luận giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng cầm cố tài sản là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại SH MODE ABS, biển số 67AB – 126.30, số khung RLHJK1917PZ314363, số máy JK19E2023807, giấy chứng nhận đăng ký số 000353 do Công an huyện C cấp ngày 02-02-2024, theo hợp đồng cầm cố số CDM2402010.04NA23X

ngày 03-02-2024, với số tiền 31.314.000 đồng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn 18 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, tính đến ngày 06-5-2025, bị đơn còn nợ nguyên đơn vốn cầm cố tài sản là 31.314.000 đồng và tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng cầm cố tài sản được xác lập vào ngày 03-02-2024, giữa nguyên đơn với bị đơn. Căn cứ Điều 309 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì hợp đồng hợp đồng cầm cố tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng cầm cố tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu nhận lại số tiền nhận cầm cố tài sản: Do hợp đồng cầm cố tài sản trên có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn đã giao đủ tiền cầm cố tài sản cho bị đơn, nhưng bị đơn không thực hiện việc đóng lãi và trả lại số tiền cầm cố tài sản và xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại SH MODE ABS, biển số 67AB – 126.30, số khung RLHJK1917PZ314363, số máy JK19E2023807. Nay nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền cầm cố tài sản là 31.314.000 đồng.

Xét quan hệ tranh chấp trên bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả lãi và tiền vốn cầm cố tài sản khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Các Điều 309, 311, 312, 313, 314 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại tiền cầm cố tài sản bị đơn còn nợ là 31.314.000 đồng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Do hợp đồng cầm cố tài sản trên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ khoản 6 Điều 29 của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01-7-2016 của Chính phủ. Quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thì lãi suất thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn 1,1%/tháng là phù hợp với quy định của Bộ Luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi bị đơn phải trả là 5.247.000 đồng (31.314.000 đồng x 1,1%/tháng x 457 ngày), tính từ ngày 03-02-2024 đến ngày 06-5-2025 là 457 ngày.

Đối với việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 06-4-2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn trả phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 15.239.480 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.523.948 đồng, phạt vi phạm là 2.505.120 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của

Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 36.561.000 đồng, nên bị đơn phải chịu 1.828.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; khoản 2 Điều 244; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Điều 309, 311, 312, 313, 314; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

khoản 6 Điều 29 của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01-7-2016 của Chính phủ,

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

[2] Buộc ông Nguyễn Thành T2 phải trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền cầm cố tài sản nợ là 36.561.000đ (ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi một ngàn đồng).

[3] kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 06-5-2025, ông T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (Hợp đồng cầm cố số CDM2402010.04NA23X ngày 03-02-2024) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thành T1 trả phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 15.239.480 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.523.948 đồng, phạt vi phạm là 2.505.120 đồng.

[5] Về án phí:

Công ty Cổ phần S Có Ngay được nhận lại 1.390.000đ (một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007943 ngày 12-12-2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 1.828.000đ (một triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay, bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đông Hoà